

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Giá số 40/2002/PL-UBTVQH ngày 26/4/2002 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 897/TTr-STC ngày 04/5/2009,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 84/2006/QĐ-UBND ngày 29/11/2006 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Điều 3.** Giao Giám đốc Sở Tài chính hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này và đôn đốc kiểm tra việc thực hiện của các ngành, các cấp, các đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa, Thủ trưởng các đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính ;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Thường trực UBND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
- Văn phòng Tỉnh ủy ;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Chánh - Phó Văn phòng;
- Lưu: VT, TH, KT.

@DienKT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Minh Phúc**

**QUY ĐỊNH**

**Về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**  
(*Kèm theo Quyết định số 39 /2009/QĐ-UBND ngày 10/6/2009  
của UBND tỉnh Đồng Nai*)

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

1. Quy định này quy định thực hiện việc bình ổn giá; danh mục tài sản, hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc lập, trình, thẩm định phương án giá, quyết định giá; hồ sơ phương án giá và nội dung phương án giá; hiệp thương giá; thẩm định giá; kiểm soát các yếu tố hình thành giá; đăng ký giá; kê khai giá; công khai thông tin về giá hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và quản lý Nhà nước về giá.

2. Đối tượng áp dụng: cơ quan quản lý Nhà nước về giá và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Chương II  
THỰC HIỆN BÌNH ỔN GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

**Điều 2. Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá, điều kiện áp dụng các biện pháp bình ổn giá**

Khi giá thị trường trong nước của hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục dưới đây có biến động bất thường: tăng quá cao hoặc giảm quá thấp không hợp lý so với mức giá thị trường trong nước trước khi biến động theo quy định dưới đây ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội và đời sống của nhân dân; cụ thể:

1. Xăng, dầu: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 55/2007/NĐ-CP ngày 6/4/2007 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Xi măng, thép xây dựng: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán lẻ trên thị trường tăng bình quân từ 15% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động.

3. Khí hóa lỏng: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán lẻ trên thị trường tăng bình quân từ 20% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động.

4. Phân bón hóa học: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán lẻ trên thị trường tăng từ 20% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động.

5. Thuốc bảo vệ thực vật: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán lẻ trên thị trường tăng từ 15% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động.

6. Thuốc thú y: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán lẻ tăng từ 15% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động.

7. Muối: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán muối do diêm dân sản xuất bán cho các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) mua muối giảm ít nhất 20% so với giá trước khi có biến động.

8. Sữa: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán lẻ sữa tăng từ 20% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động.

9. Đường ăn: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục giá bán lẻ đường trắng và đường tinh luyện trên thị trường tăng từ 20% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động.

10. Thóc (lúa): Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục giá bán thóc trên thị trường của nông dân giảm ít nhất 15% so với giá thị trường trước khi có biến động.

11. Gạo tẻ thường: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán lẻ trên thị trường tăng từ 20% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động.

12. Thuốc phòng, chữa bệnh cho người (bao gồm các loại thuốc thuộc danh mục thuốc chữa bệnh chủ yếu sử dụng tại các cơ sở khám chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế): Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, giá bán lẻ trên thị trường tăng từ 15% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động.

13. Cước dịch vụ vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng: Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục, tăng từ 20% trở lên so với giá quy định trước đó.

14. Một số loại thức ăn chăn nuôi gia súc (ngô, đậu tương, khô dầu đậu tương): Trong thời gian tối thiểu 15 ngày liên tục giá bán tăng từ 20% trở lên so với giá thị trường trước khi có biến động.

### **Điều 3. Các biện pháp bình ổn giá**

Ngoài việc tổ chức thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Thủ tướng Chính phủ và các Bộ quyết định, địa phương còn thực hiện các biện pháp bình ổn giá như sau:

1. Các biện pháp theo thẩm quyền để điều hòa cung cầu hàng hóa, dịch vụ;
2. Các biện pháp tài chính, tiền tệ;
3. Đăng ký giá, kê khai giá;
4. Công khai thông tin về giá theo quy định;

5. Các biện pháp về kinh tế, hành chính khác theo thẩm quyền bao gồm:

a) Quyết định đình chỉ thực hiện các mức giá hàng hóa và dịch vụ do doanh nghiệp đã quyết định và yêu cầu thực hiện các mức giá trước khi có biến động bất thường.

b) Phạt cảnh cáo, phạt tiền, thu chênh lệch giá do tăng giá bất hợp lý vào ngân sách nhà nước hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

c) Quyết định tổ chức các đoàn kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định của nhà nước về quản lý giá, bán hàng hóa, dịch vụ theo đúng giá do cơ quan có thẩm quyền quy định; kiểm tra việc niêm yết giá và bán hàng hóa, dịch vụ theo giá niêm yết. Xử phạt các vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá theo quy định của pháp luật.

d) Quyết định các biện pháp thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, giảm giá thành sản phẩm.

#### **Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về giá trong việc thực hiện bình ổn giá**

Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện bình ổn giá thuộc thẩm quyền quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Tài chính hoặc của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm:

1. Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong tỉnh kịp thời kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và công bố áp dụng các biện pháp bình ổn giá theo thẩm quyền.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong tỉnh thực hiện kiểm soát các yếu tố hình thành giá đối với các mặt hàng thuộc thẩm quyền quy định tại Khoản 10 Điều 1 Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá; quy định tại mục V Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá và theo chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Tài chính; thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác của pháp luật có liên quan như: kiểm tra việc niêm yết giá, bán hàng hóa và dịch vụ theo giá niêm yết; việc đăng ký giá, kê khai giá, công khai thông tin về giá đối với loại hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá, kê khai giá (theo thẩm quyền), phát hiện và xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm theo quy định của Pháp lệnh Giá và các quy định của pháp luật có liên quan; kiểm tra việc chấp hành các biện pháp bình ổn giá.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan: Sở Công Thương, Cục Thuế, Cục Hải quan, Công an tỉnh... kiểm tra, thanh tra và xử lý kịp thời theo quy định của pháp luật hiện hành đối với các hiện tượng độc quyền, liên minh độc quyền, cạnh tranh không đúng pháp luật về giá, lợi dụng chủ trương điều hành giá của Nhà nước, lợi dụng sự biến động của thị trường, tình hình thiên tai, dịch bệnh để tăng giá, ép giá bất hợp lý.

4. Kịp thời báo cáo Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình tổ chức thực hiện bình ổn giá do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và công bố áp dụng trên địa bàn tỉnh.

#### **Điều 5. Trách nhiệm của doanh nghiệp sản xuất kinh doanh**

1. Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh khi kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bình ổn giá do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định của Nghị định số 75/2008/NĐ-CP và Thông tư số 104/2008/TT-BTC.

2. Khi cần thiết, theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phải báo cáo: chi phí sản xuất và các yếu tố hình thành giá, giá thành, giá bán hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá, đăng ký giá, kê khai giá.

### **Chương III**

#### **LẬP, TRÌNH, THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ, QUYẾT ĐỊNH GIÁ**

**Điều 6. Tài sản, hàng hoá, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giá gồm:**

1. Giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt do Nhà nước tổ chức đấu thầu cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách trong đô thị, khu công nghiệp;

2. Giá bán báo của cơ quan ngôn luận Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai khi có quyết định của Nhà nước về việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Nhà nước;

3. Giá các loại đất trên địa bàn tỉnh sau khi thông qua Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Giá cho thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh;

5. Giá rừng, giá cho thuê các loại rừng trên địa bàn tỉnh;

6. Giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước cho các đối tượng tái định cư, đối tượng chính sách; giá bán hoặc giá cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước để làm việc hoặc sử dụng vào mục đích khác; giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội; giá cho thuê nhà ở công vụ;

7. Giá bán lẻ điện sinh hoạt tại khu vực nông thôn, miền núi mà việc đầu tư và hoạt động điện lực không có hiệu quả kinh tế nhưng không được cao hơn biểu giá bán lẻ điện do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

8. Mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hoá thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước; mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa;

9. Giá nước sạch cho sinh hoạt, cho các mục đích sử dụng khác;

10. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích được sản xuất theo đặt hàng, giao kế hoạch; giá hàng hóa, dịch vụ được sản xuất theo đặt hàng của Nhà nước thuộc ngân sách địa phương thực hiện theo phương thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu, tự thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và không qua hình thức đấu giá;

11. Giá bồi thường tài sản khi Nhà nước thu hồi đất;

12. Viện phí và dịch vụ khám chữa bệnh tại các bệnh viện, cơ sở y tế của nhà nước thuộc tỉnh, huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

13. Giá nước thô.

**Điều 7. Quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh**

1. Sở Tài chính lập phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi thống nhất với các Sở, ngành có liên quan, gồm:

a) Giá bồi thường tài sản (đối với những tài sản không thuộc Điểm b, d Khoản 2 Điều này) khi Nhà nước thu hồi đất.

b) Giá cho thuê đất, thuê mặt nước trên địa bàn tỉnh.

2. Các Sở, ngành xây dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sau khi có ý kiến của các đơn vị liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính, gồm:

a) Sở Giao thông Vận tải: giá cước vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trong đô thị, khu công nghiệp do Nhà nước tổ chức đấu thầu hoặc đặt hàng cung cấp dịch vụ vận chuyển hành khách; mức trợ giá, trợ cước vận chuyển hàng hoá thuộc danh mục được trợ giá, trợ cước vận chuyển chi từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước; giá cước vận chuyển cung ứng hàng hóa, dịch vụ thiết yếu thuộc danh mục được trợ giá phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa.

b) Sở Xây dựng: giá bán hoặc giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước; giá bán hoặc giá cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước cho các đối tượng tái định cư, đối tượng chính sách; giá bán hoặc giá cho thuê nhà thuộc sở hữu Nhà nước để làm việc hoặc sử dụng vào mục đích khác; giá cho thuê, thuê mua nhà ở xã

hội; giá cho thuê nhà ở công vụ; đơn giá xây dựng nhà ở, vật kiến trúc khác để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất, để định giá trong các nghiệp vụ kinh tế khác.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: giá các loại đất trên địa bàn tỉnh.

d) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: giá rừng, giá cho thuê các loại rừng trên địa bàn tỉnh; giá các loại cây trồng nông nghiệp để bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

e) Sở Công Thương: giá bán lẻ điện sinh hoạt tại khu vực nông thôn, miền núi mà việc đầu tư và hoạt động điện lực không có hiệu quả kinh tế nhưng không được cao hơn biểu giá bán lẻ điện do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

f) Sở Y tế: viện phí và dịch vụ khám chữa bệnh tại các bệnh viện, cơ sở y tế của nhà nước thuộc tỉnh, huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

3. Các đơn vị sản xuất, kinh doanh cung cấp hàng hóa, dịch vụ: xây dựng phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh sau khi có ý kiến của Sở chuyên ngành, các đơn vị có liên quan và ý kiến thẩm định bằng văn bản của Sở Tài chính, gồm:

a) Giá bán báo của cơ quan ngôn luận Đảng bộ Đảng cộng sản Việt Nam tỉnh Đồng Nai khi có quyết định của Nhà nước về việc hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước.

b) Mức giá hoặc khung giá bán lẻ hàng hóa được trợ giá, trợ cước vận chuyển.

c) Giá sản phẩm, dịch vụ công ích được sản xuất theo đặt hàng, giao kế hoạch; giá hàng hóa, dịch vụ được sản xuất theo đặt hàng của Nhà nước thuộc ngân sách địa phương thực hiện theo phương thức lựa chọn nhà thầu là chỉ định thầu, tự thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu và không qua hình thức đấu giá.

d) Giá nước sạch cho sinh hoạt, cho các mục đích sử dụng khác.

e) Giá nước thô tại mục 5, 7, 8 Biểu mức thu tiền nước quy định tại Khoản 1, Điều 1 Nghị định số 115/2008/NĐ-CP ngày 14/11/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

### **Điều 8. Hội đồng định giá**

Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng định giá cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng định giá cấp huyện để định giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật. Chủ tịch Hội đồng định giá là cơ quan Tài chính cùng cấp, các uỷ viên là các ngành, địa phương, đơn vị có liên quan.

### **Điều 9. Điều chỉnh mức giá do Nhà nước định giá**

1. Khi các yếu tố hình thành giá trong nước và thế giới có biến động ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống, các cơ quan, đơn vị kịp thời lập phương án điều



chính giá (theo Điều 7 Quy định này) trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Trường hợp không điều chỉnh giá thì áp dụng các biện pháp tài chính, tiền tệ và các biện pháp cần thiết khác để đảm bảo cho tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hoạt động được bình thường và bảo đảm lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh mức giá theo quy định của pháp luật. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh những hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá khi kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh giá thì phải nêu rõ lý do và cơ sở xác định mức giá đề nghị điều chỉnh.

3. Chậm nhất là 15 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày nhận được kiến nghị của tổ chức, cá nhân thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền định giá phải xem xét, điều chỉnh giá trong thời hạn quy định tại Điều 11 Quy định này; trường hợp không chấp nhận kiến nghị điều chỉnh giá thì phải trả lời cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản

### **Điều 10. Hồ sơ phương án giá và nội dung phương án giá**

1. Hồ sơ phương án giá hoặc điều chỉnh giá (sau đây gọi chung là hồ sơ phương án giá) bao gồm:

a) Công văn đề nghị cơ quan có thẩm quyền định giá, điều chỉnh giá.

b) Bản giải trình phương án giá (bảng tổng hợp cơ cấu tính giá theo các yếu tố hình thành giá và thuyết minh về cơ cấu tính giá đó).

c) Văn bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan (kèm theo bản sao ý kiến của các cơ quan theo quy định).

d) Văn bản thẩm định phương án giá của các cơ quan có chức năng thẩm định theo quy định.

e) Các tài liệu liên quan khác.

2. Nội dung giải trình phương án giá bao gồm:

a) Sự cần thiết và các mục tiêu phải định giá hoặc điều chỉnh giá (tình hình sản xuất, kinh doanh của hàng hóa, dịch vụ cần định giá hoặc điều chỉnh giá; diễn biến giá cả thị trường trong nước và thế giới; sự cần thiết phải thay đổi giá..).

b) Căn cứ định giá hoặc điều chỉnh giá (các văn bản quy phạm pháp luật liên quan).

c) Bản tính toán giá thành hàng hóa dịch vụ (nếu sản xuất trong nước), giá vốn nhập khẩu (nếu là hàng hóa nhập khẩu); giá bán hàng hóa, dịch vụ, cơ cấu các mức giá kiến nghị phải thực hiện theo Quy chế tính giá do Bộ Tài chính quy định.

So sánh mức giá đề nghị với mức giá của hàng hóa, dịch vụ của một số nước trong khu vực và thị trường trong nước (nếu có).

d) Tác động của mức giá mới đối với hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh khác, đến ngân sách nhà nước, tác động đến đời sống, xã hội, thu nhập của người tiêu dùng.

e) Các biện pháp tổ chức triển khai thực hiện mức giá mới.

3. Hồ sơ phương án giá gửi cơ quan thẩm định: thực hiện theo mẫu thống nhất tại Phụ lục số 3 kèm theo Quy định này.

### **Điều 11. Thời hạn thẩm định phương án giá và quyết định giá**

1. Sở Tài chính thẩm định phương án giá quy định tại Điều 7 Quy định này phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản về nội dung phương án giá chậm nhất là 07 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ phương án giá theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Kể từ ngày nhận được phương án giá đã có ý kiến của cơ quan có liên quan và văn bản thẩm định của Sở Tài chính, thời hạn quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh tối đa không quá 10 ngày.

3. Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian thẩm định phương án giá, quyết định giá thì Sở Tài chính (cơ quan thẩm định phương án giá) và UBND tỉnh (cơ quan quyết định giá) phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho cơ quan trình phương án giá biết; thời gian kéo dài không quá 15 ngày.

## **Chương IV THẨM ĐỊNH GIÁ**

### **Điều 12. Tài sản của Nhà nước phải thẩm định giá**

1. Tài sản của Nhà nước phải thẩm định giá bao gồm:

a) Tài sản được mua bằng toàn bộ hoặc một phần từ nguồn ngân sách Nhà nước;

b) Tài sản của Nhà nước cho thuê, chuyển nhượng, bán, góp vốn và các hình thức chuyển quyền khác;

c) Tài sản của Doanh nghiệp Nhà nước cho thuê, chuyển nhượng, bán, góp vốn, cổ phần hoá, giải thể và các hình thức chuyển đổi khác;

d) Tài sản khác của Nhà nước theo quy định của pháp luật phải thẩm định giá.

2. Tài sản của Nhà nước tại khoản 1 Điều này có giá trị dưới đây phải thẩm định giá:

a) Có giá trị đơn chiếc từ 100 triệu đồng trở lên hoặc mua một lần cùng một loại tài sản với số lượng lớn có tổng giá trị từ 100 triệu đồng trở lên đối với tài sản được mua bằng toàn bộ hoặc một phần từ nguồn ngân sách Nhà nước;

Tài sản có giá trị dưới 100 triệu đồng không phải thẩm định giá nhưng đơn vị phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp lý của giá cả và chất lượng tài sản mua sắm.

b) Có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đối với tài sản của Nhà nước cho thuê, chuyển nhượng, bán, góp vốn và các hình thức chuyển quyền khác.

c) Có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đối với tài sản của doanh nghiệp Nhà nước cho thuê, chuyển nhượng, bán, góp vốn, cổ phần hoá, giải thể và các hình thức chuyển đổi khác;

d) Có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên đối với các tài sản khác của Nhà nước.

3. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sử dụng nguồn ngân sách Nhà nước mua sắm tài sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này nếu không qua đấu thầu hoặc qua Hội đồng định giá được thành lập theo quy định của Pháp luật thì phải thực hiện thẩm định giá.

4. Tài sản của Nhà nước phải thẩm định giá quy định tại Điều 13 Pháp lệnh Giá đã qua đấu thầu hoặc qua Hội đồng định giá được thành lập theo quy định của pháp luật thì không phải thẩm định giá; việc thẩm định giá các tài sản hình thành từ nguồn vốn khác thực hiện theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định giá.

### **Điều 13. Giá dịch vụ thẩm định giá:**

#### **1. Giá dịch vụ thẩm định giá**

a) Giá dịch vụ thẩm định giá được xác định theo sự thỏa thuận giữa doanh nghiệp thẩm định giá với khách hàng.

b) Giá dịch vụ thẩm định giá đối với tài sản nhà nước có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước do ngân sách nhà nước trang trải áp dụng theo hình thức đấu thầu cung cấp dịch vụ. Việc chọn doanh nghiệp thẩm định giá qua đấu thầu cung cấp dịch vụ thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Các tài sản Nhà nước phải thẩm định giá quy định tại Điều 12 Quy định này. Giá dịch vụ thẩm định giá do ngân sách Nhà nước trang trải áp dụng như sau:

a) Đối với tài sản của nhà nước có giá trị theo sổ kế toán hoặc giá dự toán từ 30 tỷ đồng trở lên; hoặc gói thầu dịch vụ thẩm định giá có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên phải thực hiện hình thức đấu thầu cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

b) Đối với tài sản của nhà nước có giá trị theo sổ kế toán hoặc giá dự toán dưới 30 tỷ đồng; hoặc các gói thầu dịch vụ thẩm định giá có giá trị dưới 100 triệu đồng thì cơ quan Nhà nước có tài sản phải thẩm định giá có thể tổ chức đấu thầu hoặc chỉ định thầu cung cấp dịch vụ thẩm định giá.

## **Chương V HIỆP THƯƠNG GIÁ**

### **Điều 14. Điều kiện tổ chức hiệp thương giá**

Việc tổ chức hiệp thương giá được thực hiện đối với các hàng hóa, dịch vụ đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Hàng hóa, dịch vụ không thuộc danh mục do Nhà nước định giá;
2. Hàng hóa, dịch vụ quan trọng được sản xuất, cung ứng trong điều kiện đặc thù, có tính độc quyền mua, độc quyền bán và các bên mua, bán phụ thuộc lẫn nhau không thể thay thế được, thị trường cạnh tranh hạn chế;
3. Theo đề nghị của một trong hai bên mua, bán khi các bên này không thỏa thuận được giá mua, giá bán để ký hợp đồng.

#### **Điều 15. Thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá**

1. Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ đáp ứng yêu cầu tại Điều 14 Quy định này, có phạm vi ảnh hưởng trong tỉnh hoặc theo yêu cầu của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Việc hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ cụ thể mà pháp luật chuyên ngành có quy định thì thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành đó và quy định tại Quy định này.

#### **Điều 16. Hồ sơ và thủ tục hiệp thương giá**

1. Hồ sơ hiệp thương giá gồm:
  - a) Văn bản chỉ đạo yêu cầu hiệp thương giá của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc văn bản đề nghị hiệp thương giá của một trong hai (hoặc cả hai) bên mua và bên bán gửi cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá.
  - b) Phương án giá hiệp thương:
    - Bên bán phải hiệp thương giá bắt buộc theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền hoặc chính bên bán đề nghị hiệp thương giá thì bên bán phải lập phương án giá hiệp thương gửi cơ quan có thẩm quyền hiệp thương giá giải trình rõ những nội dung sau:
      - + Tình hình sản xuất - tiêu thụ, cung - cầu của hàng hóa, dịch vụ;
      - + Phân tích mức giá đề nghị hiệp thương:
        - Lập bảng tổng hợp cơ cấu tính giá theo các yếu tố hình thành giá, phân tích thuyết minh cơ cấu tính giá (có phân tích, so sánh với cơ cấu hình thành giá trước khi được yêu cầu hoặc đề nghị hiệp thương giá).
        - Phân tích tác động của mức giá mới đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh đến hoạt động tài chính, đời sống người lao động trong doanh nghiệp và nghĩa vụ với ngân sách nhà nước.
        - Những vấn đề mà bên bán chưa thống nhất được với bên mua, lập luận của bên bán về những vấn đề chưa thống nhất.
        - Các kiến nghị (nếu có).
      - Bên mua phải hiệp thương giá bắt buộc theo chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền hoặc chính bên mua đề nghị hiệp thương giá thì bên mua phải lập phương án giá hiệp thương gửi cơ quan có thẩm quyền hiệp thương giá giải trình những nội dung sau:

+ Lập bảng tổng hợp cơ cấu tính giá theo các yếu tố hình thành giá của hàng hóa, dịch vụ do mình sản xuất ra tính theo giá đầu vào mới mà bên bán dự kiến bán. Thuyết minh cơ cấu tính giá (có phân tích, so sánh với mức giá đầu vào trước khi được yêu cầu hoặc đề nghị hiệp thương giá).

+ Phân tích tác động của mức giá mới đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh, đến hoạt động tài chính, đời sống của người lao động trong doanh nghiệp, giá bán của sản phẩm, khả năng chấp nhận của người tiêu dùng, so sánh với giá hàng hóa, dịch vụ cùng loại trên thị trường và nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước.

+ Những vấn đề mà bên mua chưa thống nhất với bên bán, lập luận của bên mua về những vấn đề chưa thống nhất đó.

+ Các kiến nghị khác (nếu có).

c) Khi có chỉ đạo hiệp thương giá bắt buộc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền thì cả hai bên mua và bán đều phải lập hồ sơ hiệp thương giá theo hướng dẫn trên.

d) Hồ sơ hiệp thương giá thực hiện theo mẫu thống nhất tại phụ lục số 4 kèm theo Quy định này và do hai bên mua và bán lập, gửi trước cho cơ quan có thẩm quyền tổ chức hiệp thương giá ít nhất 3 bộ và đồng gửi cho bên đối tác mua (hoặc bán).

2. Thủ tục và trình tự hiệp thương giá.

a) Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá.

b) Thành phần tham gia tổ chức hiệp thương giá hàng hóa, dịch vụ bao gồm: Sở Tài chính; đại diện có thẩm quyền của bên mua, bên bán và cơ quan có liên quan theo yêu cầu của Sở Tài chính.

c) Trình tự hiệp thương giá:

- Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ hiệp thương giá theo quy định tại Khoản 1 Mục IV Phần B Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13/11/2008 của Bộ Tài chính trong khoảng 05 ngày (ngày làm việc), Sở Tài chính quyết định thời gian cụ thể tiến hành hội nghị hiệp thương giá, thông báo bằng văn bản cho các bên tham gia hiệp thương giá biết. Trong trường hợp hồ sơ hiệp thương giá của các doanh nghiệp chưa thực hiện đầy đủ theo quy định, Sở Tài chính có văn bản yêu cầu các bên tham gia hiệp thương giá thực hiện đúng quy định.

- Sở Tài chính trình bày mục đích, yêu cầu, nội dung hiệp thương giá; yêu cầu bên mua, bên bán trình bày hồ sơ phương án hiệp thương giá đồng thời nghe ý kiến của các cơ quan có liên quan tham gia hiệp thương giá.

- Sở Tài chính kết luận và ghi biên bản (có chữ ký của cơ quan tổ chức hiệp thương giá, đại diện bên mua, bên bán), thông báo kết quả hiệp thương và hình thức công bố kết quả hiệp thương giá để hai bên mua và bán thi hành.

- Doanh nghiệp hiệp thương giá có quyền rút lại hồ sơ hiệp thương giá để tự thỏa thuận với nhau về mức giá mua, giá bán của hàng hóa, dịch vụ đề nghị hiệp thương giá trước khi Sở Tài chính tổ chức hiệp thương giá.

**d) Trách nhiệm của Sở Tài chính:**

- Trong thời hạn sau 15 ngày (ngày làm việc), kể từ ngày nhận được yêu cầu hiệp thương giá của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; đề nghị hiệp thương giá của bên mua hoặc bên bán, đồng thời nhận được đủ hồ sơ hiệp thương giá theo quy định tại khoản 1 Mục IV phần B Thông tư 104/2008/TT-BTC, Sở Tài chính phải tổ chức hiệp thương giá.

- Trước thời điểm tổ chức hiệp thương giá, Sở Tài chính phải tiến hành thu thập, phân tích những thông tin cần thiết có liên quan đến hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá; phân tích các yếu tố hình thành giá ảnh hưởng đến bên bán và bên mua, tạo điều kiện để cho hai bên mua và bán thỏa thuận thống nhất với nhau về mức giá.

- Quyết định mức giá hiệp thương thực hiện theo quy định của pháp luật để bên mua và bên bán thi hành.

**Điều 17. Kết quả hiệp thương giá**

1. Kết quả hiệp thương giá được thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh Giá. Trường hợp đã tổ chức hiệp thương giá mà hai bên mua và bán không thống nhất được mức giá thì Sở Tài chính quyết định mức giá tạm thời để hai bên thi hành.

2. Quyết định giá tạm thời do Sở Tài chính công bố có hiệu lực thi hành tối đa là 06 tháng. Trong thời gian thi hành quyết định giá tạm thời các bên được quyền thỏa thuận giá mua, giá bán.

a) Nếu các bên thỏa thuận được giá thì thực hiện theo giá thỏa thuận và có trách nhiệm báo cáo cho Sở Tài chính biết mức giá đã thỏa thuận, thời gian thực hiện.

b) Hết thời hạn 06 tháng, nếu các bên không thỏa thuận được giá thì Sở Tài chính sẽ tổ chức hiệp thương giá theo quy định tại Điều 15 Quy định này và trong thời gian tổ chức hiệp thương, các bên vẫn tiếp tục thực hiện theo Quyết định giá tạm thời.

**Chương VI  
KIỂM SOÁT CÁC YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ**

**Điều 18. Việc kiểm soát các yếu tố hình thành giá**

1. Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục kiểm soát các yếu tố hình thành giá, bao gồm:

a) Hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Nhà nước quy định tại Điều 6 Quy định này.

b) Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục bình ổn giá khi có biến động bất thường quy định tại Điều 2 Quy định này.

c) Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục phải đăng ký giá quy định tại Phụ lục số 1 kèm theo Quy định này.

d) Hàng hóa, dịch vụ phải kiểm soát các yếu tố hình thành giá theo yêu cầu của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng các Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Thủ tục kiểm soát các yếu tố hình thành giá được tiến hành như sau:

a) Cơ quan có thẩm quyền quản lý giá được phân cấp theo quy định của pháp luật ra quyết định kiểm soát các yếu tố hình thành giá và gửi đến tổ chức, cá nhân được yêu cầu kiểm soát các yếu tố hình thành giá;

b) Cơ quan có thẩm quyền quản lý giá được phân cấp theo quy định của pháp luật có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các tài liệu sau:

- Phương án tính giá hàng hóa, dịch vụ và mức giá hàng hóa, dịch vụ theo quy chế tính giá chung của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định và hướng dẫn cụ thể của các Bộ, ngành liên quan; các tài liệu, chứng từ phục vụ việc lập phương án giá;

- Tình hình lưu chuyển hàng hóa (tồn kho đầu năm, đầu quý, đầu tháng; nhập và xuất trong năm, trong quý, trong tháng; tồn kho cuối năm, cuối quý, cuối tháng) và cung ứng dịch vụ;

- Báo cáo tài chính năm liên quan đến việc kiểm soát các yếu tố hình thành giá;

- Tài liệu khác liên quan đến nội dung kiểm soát các yếu tố hình thành giá

3. Thời hạn kiểm soát các yếu tố hình thành giá:

a) Thời gian một lần kiểm soát tối đa là 15 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ra quyết định kiểm soát các yếu tố hình thành giá. Trường hợp cần thiết phải kéo dài thêm thời gian kiểm soát thì cơ quan có thẩm quyền phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do phải kéo dài cho tổ chức, cá nhân liên quan; thời hạn kiểm soát kéo dài không quá 05 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm soát lần đầu;

b) Trong thời hạn tối đa là 07 ngày (ngày làm việc) kể từ ngày kết thúc kiểm soát các yếu tố hình thành giá, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm ban hành và gửi văn bản thông báo kết luận kiểm soát đến tổ chức, cá nhân và các cơ quan liên quan.

4. Các hình thức xử lý:

Căn cứ kết quả kiểm soát, cơ quan có thẩm quyền xử lý theo thẩm quyền và tùy theo mức độ vi phạm có thể xử lý theo một trong các hình thức sau:

a) Yêu cầu tổ chức, cá nhân phải mua, bán theo đúng giá mua, giá bán do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc do doanh nghiệp quyết định trước khi tăng giá bất hợp lý;

b) Xử phạt vi phạm hành chính, yêu cầu bồi thường cho người bị thiệt hại theo quy định của pháp luật;

c) Đình chỉ việc thực hiện giá hàng hóa, dịch vụ do tổ chức, cá nhân quyết định;

d) Trường hợp hành vi vi phạm có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự, các cơ quan có thẩm quyền kiểm soát các yếu tố hình thành giá quy định tại Quy định này chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

**Điều 19. Cơ quan có thẩm quyền kiểm soát các yếu tố hình thành giá tại địa phương**

1. Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa kiểm soát các yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền quyết định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh; hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện bình ổn giá thuộc thẩm quyền quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các Sở, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, các tổ chức sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh khi nhận được yêu cầu bằng văn bản về kiểm soát các yếu tố hình thành giá của Sở Tài chính có trách nhiệm phối hợp và cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ số liệu, tài liệu liên quan theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Quy định này.

**Chương VII  
ĐĂNG KÝ GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

**Điều 20. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá**

Hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá quy định tại Phụ lục số 1 kèm theo Quy định này.

**Điều 21. Doanh nghiệp phải đăng ký giá**

Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc diện phải đăng ký giá là các Tổng Công ty, Công ty Cổ phần, Công ty TNHH do tỉnh quản lý có trên 50% vốn sở hữu Nhà nước trong vốn Điều lệ doanh nghiệp.

**Điều 22. Hình thức, nội dung và thủ tục đăng ký giá**

1. Đăng ký giá được thực hiện dưới hình thức gửi hồ sơ đăng ký giá theo mẫu quy định thống nhất tại Phụ lục số 5 kèm theo Quy định này cho cơ quan tiếp nhận đăng ký giá theo quy định tại khoản 4, mục VI, phần B Thông tư số 104/2008/TT-BTC.

a) Đăng ký giá lần đầu được thực hiện khi doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh bắt đầu đăng ký giá với cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá theo quy định tại Quy định này.

b) Đăng ký lại giá được thực hiện khi doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nhận được yêu cầu phải đăng ký lại của cơ quan có thẩm quyền.

2. Nội dung hồ sơ đăng ký giá gồm:

a) Mức giá đăng ký là giá do doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh quyết định tính theo: nguyên tắc, phương pháp do Chính phủ quy định; Quy chế tính



giá do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành và hướng dẫn cụ thể của các Bộ ngành có liên quan; phù hợp với tiêu chuẩn, quy cách, chất lượng hàng hóa, dịch vụ.

b) Dự kiến thời gian mức giá có hiệu lực.

c) Thuyết minh cơ cấu tính giá theo các yếu tố hình thành giá (kèm theo văn bản đăng ký giá).

3. Thủ tục đăng ký giá:

a) Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá theo danh mục quy định tại Phụ lục số 1 kèm theo Quy định này, lập hồ sơ đăng ký giá gửi cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá.

b) Hồ sơ đăng ký giá được lập thành ba bộ gửi Sở Tài chính, Sở chuyên quản ngành hàng và lưu trữ tại đơn vị.

c) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá có trách nhiệm kiểm tra, đóng dấu đến và ghi rõ ngày tháng năm nhận hồ sơ theo đúng thủ tục hành chính.

d) Khi cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá phát hiện giá do doanh nghiệp đăng ký có yếu tố không hợp lý phải có văn bản gửi doanh nghiệp yêu cầu phân tích rõ những yếu tố không hợp lý và yêu cầu doanh nghiệp đăng ký lại giá.

e) Trong thời gian tối đa 07 ngày (theo ngày làm việc và tính từ ngày ghi trên dấu công văn đến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ) nếu không có yêu cầu đăng ký lại giá từ phía cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh tổ chức bán hàng hóa, dịch vụ theo giá đã đăng ký.

### **Điều 23. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá**

Sở Tài chính, Sở chuyên quản ngành hàng tiếp nhận hồ sơ đăng ký giá hàng hóa dịch vụ theo quy định tại Phụ lục số 1 kèm theo Quy định này đối với doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thuộc tình quản lý quy định tại Điều 21 Quy định này.

### **Điều 24. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân**

1. Đối với cơ quan tiếp nhận đăng ký giá:

a) Xem xét hồ sơ đăng ký giá trong thời hạn tối đa không quá 07 ngày làm việc.

b) Tiếp nhận đăng ký giá do doanh nghiệp đăng ký; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của hồ sơ; rà soát nội dung giá đăng ký; được phép yêu cầu doanh nghiệp dừng việc bán hàng theo giá đăng ký khi phát hiện giá do doanh nghiệp đăng ký có những yếu tố không hợp lý và yêu cầu doanh nghiệp đăng ký lại.

c) Thực hiện công tác bảo mật đối với hồ sơ do doanh nghiệp đăng ký giá, bảo mật bản thuyết minh cơ cấu hình thành giá, mức giá trong thời gian mức giá đăng ký mới của doanh nghiệp chưa có hiệu lực thực hiện; chỉ sử dụng mức giá doanh nghiệp đăng ký phục vụ mục tiêu bình ổn giá, kiểm soát việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo luật định khi cần thiết.

2. Đối với doanh nghiệp đăng ký giá:

a) Trước khi ban hành Quyết định giá bán hàng hóa, dịch vụ, doanh nghiệp có trách nhiệm đăng ký giá phải thực hiện đăng ký giá với cơ quan có thẩm quyền.

b) Doanh nghiệp đăng ký giá hàng hóa, dịch vụ gửi hồ sơ đăng ký giá cho cơ quan tiếp nhận đăng ký giá thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số 5 kèm theo Quy định này. Hồ sơ đăng ký giá được lập thành 03 bộ (01 bộ đơn vị lưu, 01 bộ gửi Sở Tài chính, 01 bộ gửi Sở chuyên quản ngành hàng).

c) Doanh nghiệp đăng ký giá phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mức giá đăng ký.

d) Công bố công khai thông tin về giá; niêm yết giá bán đã đăng ký công khai trong toàn hệ thống, thực hiện đúng giá niêm yết, đồng thời phải chấp hành các biện pháp bình ổn giá theo quy định của pháp luật khi thị trường có biến động bất thường.

## **Chương VIII** **KÊ KHAI GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

### **Điều 25. Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá**

Danh mục hàng hóa, dịch vụ phải kê khai giá bao gồm các hàng hóa, dịch vụ quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo Quy định này (trừ danh mục tài sản, hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá; danh mục tài sản, hàng hóa, dịch vụ phải đăng ký giá).

### **Điều 26. Doanh nghiệp phải kê khai giá**

Tất cả các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo danh mục quy định tại Điều 25 Quy định này trên địa bàn tỉnh đều phải kê khai giá.

### **Điều 27. Hình thức, nội dung và thủ tục kê khai giá**

1. Kê khai giá được thực hiện dưới hình thức doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh gửi văn bản kê khai giá cho cơ quan tiếp nhận kê khai giá (bao gồm kê khai giá lần đầu, kê khai lại giá).

2. Nội dung hồ sơ kê khai giá:

a) Mức giá kê khai là giá bán cho khách hàng do doanh nghiệp sản xuất kinh doanh quy định phù hợp với quy cách, tiêu chuẩn, chất lượng hàng hóa, dịch vụ (hoặc mức giá mà doanh nghiệp đã thỏa thuận được với khách hàng).

b) Bảng giá kê khai hoặc quyết định giá.

3. Thủ tục kê khai giá:

a) Doanh nghiệp lập hồ sơ kê khai giá gửi cơ quan tiếp nhận hồ sơ kê khai giá quy định tại Quy định này khi có quyết định thay đổi giá.

b) Kê khai giá lần đầu được thực hiện khi doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh bắt đầu kê khai giá với cơ quan tiếp nhận hồ sơ kê khai giá theo Quy định này.

c) Kê khai lại giá được thực hiện khi doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh điều chỉnh tăng hoặc giảm giá so với mức giá của lần kê khai trước và liền kề.

### **Điều 28. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá**

Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ kê khai giá của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo Điều 26 Quy định này.

### **Điều 29. Quyền hạn và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân**

1. Đối với cơ quan được nhận hồ sơ kê khai giá:

a) Khi nhận được hồ sơ kê khai giá, tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của hồ sơ, không thực hiện phê duyệt giá hàng hóa, dịch vụ do doanh nghiệp kê khai; chỉ ghi ngày, tháng, năm nhận văn bản và đóng dấu đến hồ sơ kê khai theo thủ tục hành chính.

b) Chỉ sử dụng mức giá do doanh nghiệp kê khai phục vụ mục tiêu bình ổn giá khi giá thị trường có biến động bất thường và kiểm soát việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Đối với doanh nghiệp kê khai giá:

a) Doanh nghiệp phải kê khai giá có trách nhiệm kê khai giá bán hàng hóa, dịch vụ của mình theo danh mục quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo Quy định này và hướng dẫn tại Phụ lục số 6 kèm theo Quy định này với cơ quan tiếp nhận hồ sơ kê khai giá.

b) Hồ sơ kê khai giá hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều 25 Quy định này được lập thành 03 bộ: 01 bộ lưu tại doanh nghiệp kê khai giá, 01 bộ gửi Sở Tài chính, 01 bộ gửi Sở Công Thương. Sở Tài chính có trách nhiệm tổng hợp và định kỳ hàng tháng gửi báo cáo tình hình kê khai giá hàng hóa, dịch vụ tại địa phương về Cục Quản lý giá (Bộ Tài chính).

c) Doanh nghiệp kê khai giá thực hiện bán hàng hóa, dịch vụ theo giá kê khai công bố công khai thông tin về giá và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn đối với các mức giá đã kê khai.

## **Chương IX QUY ĐỊNH KHÁC**

### **Điều 30. Công khai thông tin về giá**

1. Phạm vi công khai thông tin về giá

Cơ quan quản lý Nhà nước về giá có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tài sản, hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm công khai những thông tin về giá, bao gồm:

a) Các chủ trương, chính sách, biện pháp quản lý giá của Nhà nước;

b) Các quyết định giá của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

c) Các mức giá do doanh nghiệp quyết định và các thông tin kinh tế - kỹ thuật liên quan đến hàng hóa, dịch vụ.

Những quy định công khai thông tin về giá không áp dụng đối với những thông tin không được phép công khai theo quy định của pháp luật.

2. Các hình thức công khai:

- a) Hợp báo;
- b) Đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng;
- c) Niêm yết giá theo quy định;
- d) Các hình thức khác;
- e) Đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện khuyến mại giảm giá thực hiện theo quy định của Luật Thương mại.

3. Trách nhiệm trong việc công khai thông tin về giá:

- a) Cơ quan quản lý Nhà nước có trách nhiệm công khai các văn bản về chế độ, chính sách giá, các quyết định giá hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền;
- b) Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm công khai giá hàng hóa, dịch vụ do doanh nghiệp sản xuất, cung ứng;
- c) Cơ quan thông tin, truyền thông có trách nhiệm đưa tin chính xác, khách quan, trung thực và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin theo các quy định hiện hành.

### **Điều 31. Thông tin giá cả thị trường và kiểm soát giá vật liệu xây dựng**

1. Sở Tài chính tổ chức thực hiện công tác thông tin thị trường, giá cả, báo cáo kịp thời tình hình giá cả thị trường theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính, các Bộ ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính phối hợp với Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định.

### **Điều 32. Kiểm tra, thanh tra về giá**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, quyết định kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến quản lý Nhà nước về giá tại địa phương.

2. Sở Tài chính tổ chức thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính, các Bộ có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về kiểm tra, thanh tra các tổ chức, cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh Đồng Nai chấp hành các quy định của pháp luật về giá và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến quản lý Nhà nước về giá tại địa phương; kiến nghị cấp có thẩm quyền hoặc xử lý vi phạm pháp luật về giá theo thẩm quyền.

### **Điều 33. Xử lý các vi phạm trong lĩnh vực giá**

Việc xử lý các vi phạm trong lĩnh vực giá thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá và những quy định của pháp luật có liên quan.

## **Chương X** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 33.** Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa để tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về giá tại địa phương, bố trí đủ cán bộ có đủ điều kiện hoàn thành các nhiệm vụ quản lý giá của tỉnh theo Pháp lệnh Giá.

**Điều 34.** Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý giá theo thẩm quyền tại địa phương.

**Điều 35.** Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, các tổ chức và cá nhân có liên quan báo cáo về Sở Tài chính để Sở Tài chính tập hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Minh Phúc**

**Phụ lục số 1**  
**DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN ĐĂNG KÝ GIÁ**  
*(Kèm theo Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*  
*được ban hành kèm theo Quyết định số 39 /2009/QĐ-UBND*  
*ngày 10/6 /2009 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

1. Xăng, dầu;
2. Xi măng;
3. Thép xây dựng;
4. Khí hóa lỏng;
5. Nước sạch cho sản xuất công nghiệp, kinh doanh dịch vụ;
6. Phân bón hóa học: phân U rê, DAP, NPK, phân Lân;
7. Thuốc bảo vệ thực vật: (tên gốc và tên thương mại)
  - + Thuốc trừ sâu: Fenobucarb (min 96%), Etofenrox (min 96%), Buprofezin (min 98%), Imidacloprid (min 96%), Fipronil (min 96%);
  - + Thuốc trừ bệnh: Isoprothiolane (min 96%), Tricyclazole (min 95%), Kasugamycin (min 70%);
  - + Thuốc trừ cỏ: Glyphosate (min 95%), Pretilachlor, Quynclorac (min 99%).
8. Thuốc thú y: Vac xin lở mồm long móng; vac xin cúm gia cầm; các loại kháng sinh: Oxytetracycline, Ampicilline, Tylosin, Enrofloxacin dạng thuốc tiêm, thuốc viên, thuốc bột (tên gốc và tên thương mại), Oxytetracycline dạng bột trộn thức ăn gia súc.
9. Muối ăn do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký;
10. Sữa bột cho trẻ em dưới 06 tuổi;
11. Đường ăn: đường trắng và đường tinh luyện;
12. Gạo do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký;
13. Thức ăn chăn nuôi gia súc: ngô, đậu tương, khô dầu đậu tương do các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thức ăn chăn nuôi đăng ký;
14. Than;
15. Giấy: giấy in, giấy in báo, giấy viết;
16. Cước vận chuyển hành khách bằng đường sắt loại ghế ngồi cứng;
17. Dịch vụ bưu chính viễn thông theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông tại Thông tư số 02/2007/TT-BTTTT ngày 13/12/2007;
18. Sách giáo khoa;
19. Giá vé máy bay trên các đường bay nội địa không thuộc danh mục Nhà nước quy định khung giá.

**Phụ lục số 2**  
**DANH MỤC HÀNG HÓA, DỊCH VỤ THỰC HIỆN KÊ KHAI GIÁ**  
*(Kèm theo Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai*  
*được ban hành kèm theo Quyết định số 39/2009/QĐ-UBND*  
*ngày 10/ 6 /2009 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

---

1. Đá xây dựng các loại;
2. Cát xây dựng;
3. Gạch xây, ngói;
4. Giá cà phê xô do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký;
5. Giá mía cây do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký;
6. Giá thịt gà do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký;
7. Giá thịt heo do các doanh nghiệp kinh doanh đăng ký;
8. Giá cho thuê đất, phí hạ tầng của các Công ty kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp.

**Phụ lục số 3**

(Kèm theo Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai  
được ban hành kèm theo Quyết định số 39 /2009/QĐ-UBND  
ngày 10 / 6 /2009 của UBND tỉnh Đồng Nai)

**Theo Phụ lục số 2 Ban hành kèm theo  
Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13  
tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính**

**Tên đơn vị đề nghị  
định giá, điều chỉnh giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20.....

**HỒ SƠ PHƯƠNG ÁN GIÁ**

Tên hàng hóa, dịch vụ:.....

Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Số Fax: .....



**Tên đơn vị đề nghị  
định giá, điều chỉnh giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....

....., ngày tháng năm 20.....

V/v: Thẩm định phương án giá

Kính gửi: *(tên các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền  
thẩm định phương án giá, quy định giá).*

Thực hiện quy định tại Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ.

... *(tên đơn vị đề nghị định giá, điều chỉnh giá)* đã lập phương án giá về sản phẩm.... *(tên hàng hóa, dịch vụ)* (có phương án giá kèm theo).

Đề nghị .... *(tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định phương án giá, quy định giá)* xem xét quy định giá... *(tên hàng hóa, dịch vụ)* theo quy định hiện hành của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
Đơn vị đề nghị định giá (hoặc điều chỉnh giá)

Tên đơn vị đề nghị định giá,  
điều chỉnh giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm .....

**PHƯƠNG ÁN GIÁ**  
(Đối với hàng hóa nhập khẩu)

Tên hàng hóa.....  
Đơn vị nhập khẩu.....  
Quy cách phẩm chất.....  
Xuất xứ hàng hóa.....

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU  
CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

Số TT	Khoản mục chi phí	Đơn vị tính	Thành tiền	Ghi chú
1	Giá nhập khẩu CIF			
2	Thuế nhập khẩu (nếu có)			
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			
4	Chi phí bằng tiền khác			
5	<b>Giá vốn nhập khẩu</b>			
6	Lợi nhuận dự kiến			
7	<b>Giá bán dự kiến</b>			

**II. BẢNG GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ  
ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

1. Giá nhập khẩu CIF
2. Tỷ giá tại thời điểm vay ngoại tệ nhập khẩu ở ngân hàng mà doanh nghiệp giao dịch.
3. Giá nhập khẩu bằng tiền Việt Nam
4. Thuế nhập khẩu
5. Thuế tiêu thụ đặc biệt
6. Phụ thu (nếu có)
7. Chi phí lưu thông (vận chuyển, bốc xếp, thuê kho bãi, hao hụt...)
8. Các khoản chi phí khác theo luật định
9. Giá vốn
10. Lợi nhuận
11. Chi phí tiêu thụ
12. Giá bán (chưa có thuế GTGT)

Tên đơn vị đề nghị định  
giá, điều chỉnh giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm .....

### PHƯƠNG ÁN GIÁ

(Đối với hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ.....

Đơn vị sản xuất.....

Quy cách phẩm chất.....

#### I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	<b>Chi phí sản xuất:</b>				
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				
1.2	Chi phí tiền công trực tiếp				
1.3	<b>Chi phí sản xuất chung:</b>				
A	<i>Chi phí nhân viên phân xưởng</i>				
B	<i>Chi phí vật liệu</i>				
C	<i>Chi phí dụng cụ sản xuất</i>				
D	<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>				
Đ	<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>				
E	<i>Chi phí bằng tiền khác</i>				
	Tổng chi phí sản xuất :				
2	Chi phí bán hàng				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
	Tổng giá thành toàn bộ				
	Tổng sản lượng				
	Giá thành đơn vị sản phẩm				
4	Lợi nhuận dự kiến				
	Giá bán chưa thuế				
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				
	Giá bán (đã có thuế)				

#### II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí sản xuất
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Lợi nhuận dự kiến
5. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
6. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
7. Giá bán (đã có thuế).

**Tên cơ quan có thẩm  
quyền thẩm định  
phương án giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....  
V/v định giá, điều chỉnh giá

....., ngày tháng năm .....

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền định giá)*

Sau khi nghiên cứu, xem xét phương án giá (hoặc điều chỉnh giá) kèm theo công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của... *(tên cơ quan, đơn vị đề nghị định giá, điều chỉnh giá)*,... *(tên cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án giá)* có ý kiến như sau:

1. Về hồ sơ phương án giá (điều chỉnh giá):

2. Tính khả thi của mức giá được quy định (hoặc điều chỉnh giá):

3. Kiến nghị:

Sau khi xem xét,... *(Tên cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án giá)* đề nghị mức giá (mức điều chỉnh giá) là ..... đồng (hoặc tại phụ lục kèm theo công văn này - đối với trường hợp có nhiều mặt hàng).

Đề nghị... *(tên cơ quan có thẩm quyền định giá)* xem xét, ban hành theo thẩm quyền.

*Nơi nhận:*  
- Như trên;  
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án giá)

**Phụ lục số 4**

*(Kèm theo Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai  
được ban hành kèm theo Quyết định số 39/2009/QĐ-UBND  
ngày 10/ 6 /2009 của UBND tỉnh Đồng Nai)*

**Theo Phụ lục số 3 ban hành kèm theo  
Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13  
tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính**

**Tên đơn vị đề nghị  
hiệp thương giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

**HỒ SƠ HIỆP THƯƠNG GIÁ**

Tên hàng hóa, dịch vụ:.....

Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh:.....

Địa chỉ:.....

Số điện thoại:.....

Số Fax: .....

**Tên đơn vị đề nghị  
hiệp thương giá**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số ...../ .....  
V/v: hiệp thương giá

....., ngày tháng năm .....

Kính gửi: *(tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiệp thương giá)*

Thực hiện quy định tại Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ, ... *(tên đơn vị đề nghị hiệp thương giá)* đề nghị ... *(tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền hiệp thương giá)* tổ chức hiệp thương giá... *(tên hàng hóa, dịch vụ đề nghị hiệp thương giá)* do ... *(tên đơn vị sản xuất, kinh doanh sản xuất hoặc nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ)* (kèm theo phương án giá hiệp thương), cụ thể như sau:

1. Bên bán:.....
2. Bên mua:.....
3. Tên hàng hóa, dịch vụ hiệp thương giá:.....
  - Quy cách, phẩm chất:.....
  - Mức giá đề nghị của bên bán.....
  - Mức giá đề nghị của bên mua.....
  - Thời điểm thi hành mức giá.....
  - Điều kiện thanh toán.....
4. Nội dung chính của phương án giá hiệp thương:.....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đơn vị mua hoặc bán;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

Tên đơn vị đề nghị  
hiệp thương giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**PHƯƠNG ÁN GIÁ HIỆP THƯƠNG**  
(Kèm theo công văn số .../... ngày .../.../... của ...)

Tên hàng hóa đề nghị hiệp thương giá:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất:

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	Lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	<b>Chi phí sản xuất:</b>				
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp				
1.3	<b>Chi phí sản xuất chung:</b>				
A	<i>Chi phí nhân viên phân xưởng</i>				
B	<i>Chi phí vật liệu</i>				
C	<i>Chi phí dụng cụ sản xuất</i>				
D	<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>				
Đ	<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>				
E	<i>Chi phí bằng tiền khác</i>				
	Tổng chi phí sản xuất :				
2	Chi phí bán hàng				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
	Tổng giá thành toàn bộ				
4	Lợi nhuận dự kiến				
	Giá bán chưa thuế				
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				
	Giá bán (đã có thuế)				

**II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ**

1. Chi phí sản xuất:
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Lợi nhuận dự kiến
5. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
6. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
7. Giá bán (đã có thuế)

**Phụ lục số 5**

(Kèm theo Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai  
được ban hành kèm theo Quyết định số 39 /2009/QĐ-UBND  
ngày 10 / 6 /2009 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Theo Phụ lục số 4 ban hành kèm theo  
Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13  
tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính

Tên đơn vị  
thực hiện đăng ký giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày      tháng      năm 20...

**HỒ SƠ ĐĂNG KÝ GIÁ**

Tên hàng hóa, dịch vụ:.....  
Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh:.....  
Địa chỉ:.....  
Số điện thoại:.....  
Số Fax: .....

Thực hiện từ ngày.....tháng.....năm.....



Tên đơn vị đăng ký giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../.....  
V/v đăng ký giá

....., ngày ... tháng ... năm ....

Kính gửi: (*Tên cơ quan tiếp nhận Hồ sơ đăng ký giá*)

Thực hiện quy định tại Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ.

... (*tên đơn vị đăng ký*) gửi Hồ sơ đăng ký giá kèm theo gồm các văn bản sau:

1. Mức giá đăng ký:.....

2. Thuyết minh cơ cấu tính giá:.....

Mức giá tại Hồ sơ gửi kèm theo công văn này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... / ... / ... .

... (*tên đơn vị đăng ký*) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn của mức giá mà chúng tôi đã đăng ký.

Đề nghị Quý cơ quan ghi nhận ngày nộp Hồ sơ đăng ký giá của ... (*tên đơn vị đăng ký*) theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**  
(Đơn vị đăng ký giá)

**Ghi nhận ngày nộp Hồ sơ đăng ký giá  
của cơ quan quản lý nhà nước**

Tên đơn vị  
thực hiện đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG ĐĂNG KÝ MỨC GIÁ CỤ THỂ**

*(Kèm theo công văn số ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....)*

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất Lượng	Đơn vị tính	Mức giá đăng ký liên kế trước	Mức giá đăng ký

Tên đơn vị  
đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20...

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ  
HÀNG HÓA, DỊCH VỤ ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất:

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ**

Số TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	<b>Chi phí sản xuất:</b>				
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp				
1.2	Chi phí nhân công trực tiếp				
1.3	<b>Chi phí sản xuất chung:</b>				
a	<i>Chi phí nhân viên phân xưởng</i>				
b	<i>Chi phí vật liệu</i>				
c	<i>Chi phí dụng cụ sản xuất</i>				
d	<i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i>				
đ	<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i>				
e	<i>Chi phí bằng tiền khác</i>				
	Tổng chi phí sản xuất :				
2	Chi phí bán hàng				
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp				
	Tổng giá thành toàn bộ				
4	Lợi nhuận dự kiến				
	Giá bán chưa thuế				
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)				
6	Thuế giá trị gia tăng (nếu có)				
	Giá bán (đã có thuế)				

**II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ**

1. Chi phí sản xuất:
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Lợi nhuận dự kiến
5. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
6. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
7. Giá bán (đã có thuế)

**Phụ lục số 6**

(Kèm theo Quy định về quản lý giá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai  
được ban hành kèm theo Quyết định số 39 /2009/QĐ-UBND  
ngày 10/ 6 /2009 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Theo Phụ lục số 5 ban hành kèm theo  
Thông tư số 104/2008/TT-BTC ngày 13  
tháng 11 năm 2008 của Bộ Tài chính

Tên đơn vị  
thực hiện kê khai giá

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 20...

**HỒ SƠ KÊ KHAI GIÁ**

Tên hàng hóa, dịch vụ:.....  
Tên đơn vị sản xuất, kinh doanh:.....  
Địa chỉ:.....  
Số điện thoại:.....  
Số Fax: .....

Thực hiện từ ngày.....tháng.....năm.....

Tên đơn vị kê khai giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số ...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ....

V/v: kê khai giá

Kính gửi: *(tên các cơ quan tiếp nhận Hồ sơ kê khai giá)*

Thực hiện quy định tại Thông tư số ... /2008/TT-BTC ngày ... tháng ... năm 2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá và Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ.

... *(tên đơn vị đăng ký)* gửi Hồ sơ kê khai giá kèm theo gồm các văn bản sau:

1. Công văn gửi cơ quan tiếp nhận kê khai.....

2. Mức giá kê khai:.....

Mức giá tại Hồ sơ gửi kèm theo công văn này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... / ... / 200... .

3. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh giá kê khai:

... *(tên đơn vị đăng ký)* xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đúng đắn của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Đề nghị Quý cơ quan ghi nhận ngày nộp Hồ sơ kê khai giá của ... *(tên đơn vị đăng ký)* theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu:

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**(Ký tên, đóng dấu)**

**Ghi nhận ngày nộp Hồ sơ kê khai giá  
của cơ quan tiếp nhận Hồ sơ**

*(Cơ quan tiếp nhận Hồ sơ kê khai giá  
ghi ngày, tháng, năm nhận được Hồ sơ  
kê khai giá và đóng dấu công văn đến)*

Tên đơn vị  
thực hiện kê khai giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ CỤ THỂ**  
(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1/ Mức giá kê khai:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Quy cách, chất lượng	Đơn vị tính	Mức giá kê khai liên kê trước	Mức giá kê khai	Ghi chú

2/ Phân tích nguyên nhân điều chỉnh tăng/giảm giá kê khai: